

Số: 626/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở và cơ quan ngang Sở, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội đặc thù thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (để B/c);
- TTr. Tỉnh ủy (để B/c);
- TTr. Hội đồng nhân dân tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; LĐVP, CVNCTH, các Phòng, đơn vị trực thuộc;
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT. *ST*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn
Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

**Về thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ
chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại các
cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 62/QĐ-UBND ngày 10 tháng 1 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các Sở và cơ quan ngang Sở; đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội đặc thù thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Cụ thể như sau:

a) Các Sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là các Sở); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

c) Các tổ chức Hội đặc thù thuộc tỉnh.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Việc luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

3. Những trường hợp chưa thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:

a) Công chức, viên chức đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật.

b) Công chức, viên chức đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra hoặc có liên quan đến công việc đang bị thanh tra, kiểm tra.

c) Công chức, viên chức đang điều trị bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế, đi học dài hạn hoặc được cử đi biệt phái.

d) Công chức, viên chức nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Trường hợp phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (do vợ mất hoặc trường hợp khác quan khác) thì công chức, viên chức nam cũng được áp dụng như công chức, viên chức nữ quy định tại điểm này.

4. Không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với công chức, viên chức có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc, những hành vi bị cấm; nội dung, hình thức thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Chương II
DANH MỤC VÀ THẨM QUYỀN THỰC HIỆN
CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC

Điều 4. Danh mục các vị trí công tác trong các lĩnh vực, ngành, nghề phải định kỳ chuyển đổi

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và quy định riêng của Bộ, ngành Trung ương (nếu có).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định chuyển đổi vị trí công tác

1. Đối với các Sở; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Thủ trưởng các Sở:

- Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức: Giữa phòng, ban và các cơ quan hành chính trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh.

- Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức: Từ đơn vị sự nghiệp này sang đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức: Giữa các cơ quan chuyên môn trực thuộc.

- Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức: Từ đơn vị sự nghiệp này sang đơn vị sự nghiệp khác thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức cấp xã: Giữa các xã, phường, thị trấn trong cùng một huyện, thành phố.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức Hội đặc thù thuộc tỉnh: Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức trong phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (có tư cách pháp nhân): Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong phạm vi quản lý.

4. Đối với cơ quan, đơn vị chỉ có một vị trí công tác trong danh mục các vị trí công tác thực hiện định kỳ chuyển đổi mà vị trí công tác này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quản lý cấp trên trực tiếp quyết định chuyển đổi, cụ thể như sau:

a) Đối với các Sở, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức Hội đặc thù thuộc tỉnh không có đơn vị cấu thành mà chỉ có một vị trí công tác thực hiện chuyển đổi khác với các vị trí khác của cơ quan, đơn vị: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị lập danh sách, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh) xem xét. Sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh quyết định chuyển đổi vị trí công tác.

b) Đối với các Sở, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có đơn vị cấu thành và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (bao gồm cả Ủy ban nhân dân cấp xã): Thủ trưởng đơn vị lập danh sách, báo cáo để Thủ trưởng Sở hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Trường hợp nếu không thực hiện chuyển đổi được thì thực hiện theo Điểm a Khoản này.

5. Các đơn vị còn lại thực hiện theo nguyên tắc cấp trên trực tiếp quản lý công chức, viên chức có đối tượng chuyển đổi vị trí công tác thì do Thủ trưởng cấp đó quyết định thực hiện chuyển đổi theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đặc thù thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Hàng năm, căn cứ vào Danh mục các vị trí công tác trong các lĩnh vực, ngành, nghề phải định kỳ chuyển đổi quy định tại Điều 8 Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và quy định của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan (nếu có), lập danh mục các vị trí công tác cần chuyển đổi tại cơ quan, đơn vị (theo biểu mẫu số 01). Trên cơ sở đó rà soát, lập danh sách công chức, viên chức phải chuyển đổi (theo biểu mẫu số 02).

2. Tiến hành xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, đơn vị mình để triển khai thực hiện. Kế hoạch phải đảm bảo các nội dung: Mục tiêu, yêu cầu; đối tượng, hình thức chuyển đổi; thời hạn, thời gian chuyển đổi và tổ chức thực hiện. Thời gian ban hành kế hoạch chậm nhất là tháng 12 của năm trước liền kề đồng thời phải đảm bảo công khai các quy định và kế hoạch thực hiện với tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị; thông báo công khai cho công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi biết trước ít nhất là 30 ngày khi bắt đầu chuyển đổi vị trí công tác. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm kèm theo biểu mẫu số 01 và biểu mẫu số 02 đồng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh) trước ngày 31/12 hàng năm để tổng hợp, theo dõi.

3. Quyết định điều động chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với công chức, viên chức theo thẩm quyền. Sau khi ban hành Quyết định gửi Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh 01 bản để tổng hợp, theo dõi.

4. Hàng năm tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc chuyển đổi vị trí công tác tại cơ quan, đơn vị mình theo thẩm quyền quản lý.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho công chức, viên chức được chuyển đổi tiếp nhận công việc tại cơ quan, đơn vị mới. Khi hết thời hạn chuyển đổi, bố trí công chức, viên chức trở về vị trí cũ (nếu có nguyện vọng và vị trí cũ còn thiếu người làm việc) hoặc bố trí phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của công chức, viên chức đó.

6. Báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác trong năm theo biểu mẫu số 03 gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, để tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh

1. Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

2. Quyết định việc chuyển đổi vị trí công tác đối với các công chức, viên chức theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 5 Quy định này.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình kết quả thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, Thủ trưởng các Sở và cơ quan ngang Sở, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức Hội đặc thù thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC NĂM ...

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm 20... của.....)

STT	Tên phòng, ban, đơn vị trực thuộc/Lĩnh vực chuyển đổi	Tên vị trí công tác	Thời hạn phải chuyển đổi (tính bằng năm)	Ghi chú

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hà Giang, ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC NĂM ...

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm 20... của.....)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí công tác hiện đảm nhận		Kế hoạch chuyển đổi		Thời hạn chuyển đổi (tính bằng năm)	Ghi chú
		Nam	Nữ		Vị trí/Đơn vị công tác	Thời gian đảm nhận	Vị trí / Đơn vị công tác dự kiến chuyển đổi	Thời gian dự kiến thực hiện		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1 VĂN PHÒNG BAN										
	Nguyễn Thị A		01/01/1972	Đại học Kinh tế	Công tác nhân sự tại....	01/03/2015	Công tác đào tạo tại...	01/03/2019	5 năm	
	...									
2 CHI CỤC...										
3 TRUNG TÂM...										

1. Tổng số người đã đến thời gian thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 201.: ...

2. Tổng số người chuyển đổi theo các vị trí:

2.1 Kế toán:...

2.2. Công tác nhân sự:...

....

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hà Giang, ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TÊN ĐƠN VỊ.....

Biểu mẫu số 03

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC NĂM ...

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm 20... của.....)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngày tháng năm tham gia công tác	Vị trí công tác cũ (trước khi chuyển đổi)		Vị trí công tác mới (sau khi chuyển đổi)		Ghi chú
		Nam	Nữ			Vị trí công tác	Thời gian làm việc	Vị trí công tác mới	Thời gian ra quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<i>Ví dụ:</i>									
1	Nguyễn Văn A	15/4/1970		Đại học Tài chính kế toán, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.	01/1/2002	Công tác nhân sự tại Phòng... thuộc...	01/1/2015	Công tác Kế hoạch tài chính tại Phòng... thuộc...	01/1/2018	Được chuyển đổi vị trí công tác theo Quyết định số ngày... tháng... năm 2018 của ...
									

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)